

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC DỰ KIẾN ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
1	22810000016	Nguyễn Thị Hải	Yến	07/04/2002	D17QTDVDL &LH1	3.7	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
2	22810000064	Đặng Kiều Trâm	Anh	29/04/2004	D17QTDVDL &LH2	3.6	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
3	22810000010	Phùng Hải	Đặng	03/09/2004	D17QTDVDL &LH1	3.55	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
4	22810000068	Phạm Hương	Giang	11/04/2004	D17QTDVDL &LH2	3.4	83		Giỏi	10	10	7,865,000	
5	22810000060	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	05/08/2004	D17QTDVDL &LH2	3.3	87		Giỏi	10	10	7,865,000	
6	22810000083	Phương	Thảo	13/05/2004	D17QTDVDL &LH2	3.25	81		Giỏi	10	10	7,865,000	
7	22810000009	Đoàn Thị Vân	Anh	07/11/2004	D17QTDVDL &LH1	3.2	90		Giỏi	10	10	7,865,000	
8	22810000040	Nguyễn Thị	Oanh	01/12/2004	D17QTDVDL &LH1	3.2	90		Giỏi	10	10	7,865,000	
9	22810670136	Dương Đức	Hoàn	31/12/2004	D17CODCT	2.64	84		Khá	11	11	7,950,000	
10	22810640060	Đỗ Quang	Vinh	26/10/2004	D17QLDA&C TXD1	2.91	82		Khá	11	11	7,950,000	
11	22810640045	Lê Xuân	Tú	16/08/2004	D17QLDA&C TXD1	2.82	71		Khá	11	11	7,950,000	
12	22810640080	Mai Phương	Tiến	07/08/2004	D17QLDA&C TXD2	2.82	84		Khá	11	11	7,950,000	
13	22810640008	Đỗ Duy	Sơn	29/01/2004	D17QLDA&C TXD1	2.5	80		Khá	11	11	7,950,000	
14	22810640139	Nguyễn Đức	Hoàn	22/03/2002	D17QLDA&C TXD2	2.5	94		Khá	11	11	7,950,000	
15	22810650026	Vũ Xuân	Chính	18/08/2004	D17XDDD& CN	2.55	85		Khá	11	11	7,950,000	
16	22810620033	Kim Văn	Đạt	05/12/2004	D17CODT1	3.5	83		Giỏi	9	9	8,745,000	
17	22810620023	Phạm Quang Long	Vũ	22/04/2004	D17CODT1	3.17	89		Khá	9	9	7,950,000	
18	22810620022	Nguyễn Hoàng	Anh	20/08/2004	D17CODT1	3.17	85		Khá	9	9	7,950,000	
19	22810620047	Lê Đăng Việt	Anh	06/07/2004	D17CODT1	3	84		Khá	9	9	7,950,000	
20	22810620018	Vũ Mạnh	Sơn	15/05/2004	D17CODT1	2.83	86		Khá	9	9	7,950,000	
21	22810620003	Mai Anh	Dũng	20/11/2004	D17CODT1	2.83	82		Khá	9	9	7,950,000	
22	22810620081	Đinh Mạnh	Tùng	15/11/2004	D17CODT2	2.83	86		Khá	9	9	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
23	22810610010	Vũ Minh	Sơn	19/01/2004	D17CKCTM	3.33	84		Giỏi	9	9	8,745,000	
24	22810610092	Cáp Trọng	Tiến	04/02/2004	D17CKCTM	3.33	80		Giỏi	9	9	8,745,000	
25	22810660012	Nguyễn Quang	Tùng	08/10/2004	D17CKCTM	3.33	80		Giỏi	9	9	8,745,000	
26	22810680045	Lương Văn	Toán	03/09/2004	D17CKOTO	3.67	82		Giỏi	9	9	8,745,000	
27	22810680002	Nguyễn Trường	Sơn	22/09/2004	D17CKOTO	3	82		Khá	9	9	7,950,000	
28	22810680031	Đào Văn	Hoàn	25/05/2004	D17CKOTO	3	85		Khá	9	9	7,950,000	
29	22810680008	Triệu Đức	Mạnh	12/01/2004	D17CKOTO	3	85		Khá	9	9	7,950,000	
30	22810680055	Nguyễn Đình	Quảng	10/05/2004	D17CKOTO	2.83	85		Khá	9	9	7,950,000	
31	22810570153	Lê Văn	Dương	19/10/2004	D17DT&KT MT1	3.59	83		Giỏi	11	11	8,745,000	
32	22810560150	Đào Duy	Công	04/11/2004	D17DT&KT MT2	3.59	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
33	22810540083	Cao Minh	Tuấn	24/03/2004	D17DT&KT MT1	3.55	90		Giỏi	11	11	8,745,000	
34	22810540110	Nguyễn Văn	Hào	16/11/2004	D17DT&KT MT1	3.45	80		Giỏi	11	11	8,745,000	
35	22810570043	Trần Thị	Thảo	23/10/2004	D17DT&KT MT1	3.45	83		Giỏi	11	11	8,745,000	
36	22810540101	Đào Thanh	Sơn	14/07/2003	D17DT&KT MT1	3.41	80		Giỏi	11	11	8,745,000	
37	22810540094	Trịnh Hoàng	Tùng	18/03/2004	D17DT&KT MT1	3.36	80		Giỏi	11	11	8,745,000	
38	22810540248	Phạm Văn	Hiếu	21/11/2004	D17DT&KT MT2	3.32	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
39	22810540202	Lê Hồng	Tươi	05/10/2003	D17DT&KT MT2	3.32	82		Giỏi	11	11	8,745,000	
40	22810510252	Nguyễn Thành	Huy	04/09/2003	D17DTVT2	3.55	92		Giỏi	11	11	8,745,000	
41	22810510026	Nguyễn Hoàng	Anh	10/03/2004	D17DTVT1	3.45	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
42	22810510235	Nguyễn Duy	Nam	15/07/2004	D17DTVT2	3.45	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
43	22810510209	Hoàng Quang	Phúc	15/05/2004	D17DTVT2	3.45	88		Giỏi	11	11	8,745,000	
44	22810510140	Kiều Anh	Hải	01/08/2004	D17DTVT1	3.32	90		Giỏi	11	11	8,745,000	
45	22810510200	Phạm Tuấn	Phong	12/04/2004	D17DTVT2	3.27	86		Giỏi	11	11	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
46	22810550156	Lê Đình	Tùng	30/11/2004	D17KTDĐT	3.68	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
47	22810550023	Nguyễn Tiến	Đạt	30/08/2004	D17KTDĐT	3.59	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
48	22810530261	Nguyễn Minh	Nghĩa	30/09/2004	D17TBDTYT	2.5	80		Khá	11	11	7,950,000	
49	22810180407	Ngô Xuân	Quý	15/03/2004	D17DCN&D D2	3.59	90		Giỏi	11	11	8,745,000	
50	22810170228	Trương Thế	Phong	27/01/2004	D17DCN&D D2	3.45	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
51	22810180137	Đoàn Bá	Đức	23/12/2004	D17DCN&D D1	3.32	94		Giỏi	11	11	8,745,000	
52	22810160094	Phạm Minh	Hưng	10/08/2004	D17DCN&D D2	3.32	81		Giỏi	11	11	8,745,000	
53	22810180437	Lê Duy	Đại	27/09/2004	D17DCN&D D2	3.27	89		Giỏi	11	11	8,745,000	
54	22810180253	Đỗ Văn	Trường	14/05/2004	D17DCN&D D1	3.18	87		Khá	11	11	7,950,000	
55	22810110133	Kiều Văn	Quyền	03/08/2004	D17DCN&D D1	3.18	87		Khá	11	11	7,950,000	
56	22810110019	Cao Minh	Khiêm	03/09/2004	D17H1	3.59	90		Giỏi	11	11	8,745,000	
57	22810110362	Ngô Việt	Thu	22/01/2004	D17H3	3.59	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
58	22810110076	Tạ Tùng	Thắng	15/03/2004	D17H1	3.32	88		Giỏi	11	11	8,745,000	
59	22810110095	Vũ Thành	Khôi	19/03/2004	D17H1	3.32	89		Giỏi	11	11	8,745,000	
60	22810110113	Hoàng Gia	Bảo	29/10/2004	D17H1	3.27	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
61	22810110258	Phan Đức	Quang	24/10/2004	D17H2	3.23	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
62	22810110240	Lê Hoàng	Đức	03/07/2002	D17H2	3.23	84		Giỏi	11	11	8,745,000	
63	22810110315	Vũ Khắc	Duy	19/09/2004	D17H3	3.18	83		Khá	11	11	7,950,000	
64	22810110438	Nguyễn Thanh	Bình	16/07/2004	D17H3	3.18	90		Khá	11	11	7,950,000	
65	22810110125	Vương Trung	Hiếu	09/06/2004	D17H1	2.95	89		Khá	11	11	7,950,000	
66	22810110161	Phạm Văn	Trọng	03/02/2004	D17H2	2.95	87		Khá	11	11	7,950,000	
67	22810110172	Phùng Thanh	Trà	09/04/2004	D17H2	2.95	82		Khá	11	11	7,950,000	
68	22810110105	Hồ Sỹ	Huy	18/04/2004	D17H1	2.91	81		Khá	11	11	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
69	22810170352	Nguyễn Thành	Trung	28/10/2004	D17TDHHTD ₃	3.73	80		Giỏi	11	11	8,745,000	
70	22810170165	Nguyễn Hữu	Giáp	06/09/2004	D17TDHHTD ₂	3.45	88		Giỏi	11	11	8,745,000	
71	22810170257	Nguyễn Đức	Thắng	17/05/2004	D17TDHHTD ₂	3.45	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
72	22810170292	Luyện Quang	Vinh	01/11/2004	D17TDHHTD ₃	3.45	81		Giỏi	11	11	8,745,000	
73	22810170443	Nguyễn Văn Toàn	Thắng	06/11/2004	D17TDHHTD ₃	3.32	79		Khá	11	11	7,950,000	
74	22810170394	Nguyễn Đoàn Minh	Quân	12/10/2004	D17TDHHTD ₃	3.32	90		Giỏi	11	11	8,745,000	
75	22810170091	Phạm Đức	Tường	09/06/2004	D17TDHHTD ₁	3.18	86		Khá	11	11	7,950,000	
76	22810170147	Nguyễn Văn	Hoàn	13/02/2004	D17TDHHTD ₂	3.18	80		Khá	11	11	7,950,000	
77	22810170058	Nguyễn Văn	Hùng	30/12/2004	D17TDHHTD ₁	3.14	89		Khá	11	11	7,950,000	
78	22810170115	Phạm Hồng	Thái	18/12/2004	D17TDHHTD ₁	3.14	89		Khá	11	11	7,950,000	
79	22810170146	Nguyễn Ngọc	Hiếu	30/09/2004	D17TDHHTD ₂	3.09	87		Khá	11	11	7,950,000	
80	22810170192	Nguyễn Tùng	Lâm	26/01/2004	D17TDHHTD ₂	3.09	83		Khá	11	11	7,950,000	
81	22810170003	Đào Nhật	Quý	01/02/2004	D17TDHHTD ₁	3.09	81		Khá	11	11	7,950,000	
82	22810170436	Nguyễn Hải	Đăng	29/07/2004	D17TDHHTD ₃	3.09	81		Khá	11	11	7,950,000	
83	22810410316	Vũ Quang	Minh	21/03/2004	D17CNKTDK ₂	3.38	87		Giỏi	12	12	8,745,000	
84	22810410048	Nguyễn Trung	Huy	11/06/2004	D17CNKTDK ₁	3.13	88		Khá	12	12	7,950,000	
85	22810410245	Nguyễn Văn	Thuận	28/06/2004	D17CNKTDK ₁	3	80		Khá	12	12	7,950,000	
86	22810410219	Nguyễn Xuân	Phú	10/04/2004	D17CNKTDK ₁	3	89		Khá	12	12	7,950,000	
87	22810410277	Nguyễn Đức	Tuấn	10/10/2004	D17CNKTDK ₂	3	87		Khá	12	12	7,950,000	
88	22810410146	Lê Kim Quang	Anh	08/01/2003	D17CNKTDK ₁	2.88	89		Khá	12	12	7,950,000	
89	22810410147	Nguyễn Phúc	Luân	01/10/2004	D17CNKTDK ₁	2.88	89		Khá	12	12	7,950,000	
90	22810410354	Trần Đức	Thiện	21/07/2003	D17CNKTDK ₂	2.88	86		Khá	12	12	7,950,000	
91	22810430191	Trần Văn	Khánh	03/02/2004	D17TDH&D KTBCN2	3.75	82		Giỏi	12	12	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
92	22810430303	Lê Anh	Dũng	06/05/2004	DI7TDH&D KTBCN3	3.75	84		Giỏi	12	12	8,745,000	
93	22810430234	Phạm Quốc	Trí	12/10/2004	DI7TDH&D KTBCN3	3.63	85		Giỏi	12	12	8,745,000	
94	22810430460	Dương Văn	Quân	10/07/2004	DI7TDH&D KTBCN4	3.63	80		Giỏi	12	12	8,745,000	
95	22810430107	Hoàng Minh	Trí	21/06/2004	DI7TDH&D KTBCN1	3.5	87		Giỏi	12	12	8,745,000	
96	22810430232	Đỗ Văn	Hường	20/07/2004	DI7TDH&D KTBCN2	3.5	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
97	22810430178	Trần Nguyễn Anh	Nam	07/07/2004	DI7TDH&D KTBCN2	3.38	89		Giỏi	12	12	8,745,000	
98	22810430148	Nguyễn Thế	Hùng	21/03/2004	DI7TDH&D KTBCN2	3.38	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
99	22810430144	Lê Quang	Vinh	01/04/2004	DI7TDH&D KTBCN2	3.38	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
100	22810430296	Lý Nhật	Quang	06/12/2002	DI7TDH&D KTBCN3	3.38	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
101	22810430249	Bạch Như	Ý	17/12/2004	DI7TDH&D KTBCN3	3.38	84		Giỏi	12	12	8,745,000	
102	22810430253	Hoàng Văn	Phuong	06/10/2004	DI7TDH&D KTBCN3	3.25	87		Giỏi	12	12	8,745,000	
103	22810430187	Nguyễn Thanh	Tĩnh	19/06/2004	DI7TDH&D KTBCN2	3.25	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
104	22810430362	Nguyễn Thành	Long	22/01/2004	DI7TDH&D KTBCN3	3.25	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
105	22810430442	Nguyễn Đình	Quân	19/12/2004	DI7TDH&D KTBCN4	3.25	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
106	22810430275	Phạm Linh	Quang	02/02/2004	DI7TDH&D KTBCN3	3.25	81		Giỏi	12	12	8,745,000	
107	22810430405	Phạm Văn	Phong	20/10/2003	DI7TDH&D KTBCN4	3.25	81		Giỏi	12	12	8,745,000	
108	22810440032	Nguyễn Phan Duy	Tân	13/07/2004	DI7THDK&T DH1	3.75	85		Giỏi	12	12	8,745,000	
109	22810440015	Vũ Sỹ	Dũng	07/12/2004	DI7THDK&T DH1	3.63	85		Giỏi	12	12	8,745,000	
110	22810440028	Nguyễn Phan Nam	Khánh	02/02/2004	DI7THDK&T DH1	3.63	94		Xuat sắc	12	12	9,540,000	
111	22810440010	Nguyễn Đức	Hiếu	18/08/2004	DI7THDK&T DH1	3.5	97		Giỏi	12	12	8,745,000	
112	22810440115	Thạch Tuấn	Anh	25/11/2004	DI7THDK&T DH1	3.5	85		Giỏi	12	12	8,745,000	
113	22810440364	Nguyễn Xuân	Thùy	10/11/2004	DI7THDK&T DH1	3.38	87		Giỏi	12	12	8,745,000	
114	22810440304	Hoàng Đức	Dũng	10/06/2004	DI7THDK&T DH2	3.38	80		Giỏi	12	12	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
115	22810440280	Vũ Văn	Nam	22/10/2003	D17THDK&T DH2	3.38	83		Giỏi	12	12	8,745,000	
116	22810440325	Lê Anh	Đức	27/08/2004	D17THDK&T DH2	3.38	82		Giỏi	12	12	8,745,000	
117	22810440078	Nguyễn Tiến	Việt	07/05/2004	D17THDK&T DH1	3.25	88		Giỏi	12	12	8,745,000	
118	22810440149	Nguyễn Quang	Khải	05/03/2004	D17THDK&T DH1	3.13	88		Khá	12	12	7,950,000	
119	22810440145	Nguyễn Thành	Lộc	22/08/2004	D17THDK&T DH1	3.13	86		Khá	12	12	7,950,000	
120	22819140079	Trần Xuân	Tiến	12/05/2004	D17QLMTCN	3.32	88		Giỏi	11	11	8,745,000	
121	22810000120	Cao Thái	Sơn	22/08/2004	D17QLMTCN	2.59	96		Khá	11	11	7,950,000	
122	22819150058	Nguyễn Hữu	Bách	07/03/2004	D17NLTT2	3.17	79		Khá	9	9	7,950,000	
123	22819150010	Nguyễn Bá	Đức	29/07/2004	D17NLTT1	3.17	90		Khá	9	9	7,950,000	
124	22819150064	Đình Huy	Hiếu	11/03/2004	D17NLTT2	3	95		Khá	9	9	7,950,000	
125	22819150034	Nguyễn Vũ	Hùng	04/05/2004	D17NLTT1	3	91		Khá	9	9	7,950,000	
126	22819150063	Lưu Chiến	Hải	11/11/2004	D17NLTT2	2.83	85		Khá	9	9	7,950,000	
127	22819150047	Tạ Văn	Đức	07/09/2004	D17NLTT2	2.83	81		Khá	9	9	7,950,000	
128	22810310060	Nguyễn Đức	Thắng	22/02/2004	D17CNPM1	3.8	80		Giỏi	15	15	8,745,000	
129	22810350161	Dương Khải	Anh	21/09/2003	D17CNPM3	3.8	73		Khá	15	15	7,950,000	
130	22810310006	Lê Thị Thanh	Phương	24/09/2004	D17CNPM1	3.7	80		Giỏi	15	15	8,745,000	
131	22810310213	Đỗ Văn	Hưng	28/07/2004	D17CNPM3	3.7	81		Giỏi	15	15	8,745,000	
132	22810310335	Tạ Kiều	Vân	11/12/2004	D17CNPM5	3.7	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
133	22810310305	Nguyễn Cát	Bộ	15/05/2004	D17CNPM5	3.7	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
134	22810310377	Hoàng Thị	Thảo	15/07/2004	D17CNPM6	3.67	94		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
135	22810340201	Đỗ Mạnh	Cường	26/05/2004	D17CNPM5	3.63	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
136	22810310320	Trương Đức	Mạnh	25/01/2004	D17CNPM5	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
137	22810310322	Nguyễn Minh	Khuê	16/10/2004	D17CNPM5	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
138	22810310329	Lê Dũng	Tiến	21/08/2004	D17CNPM5	3.6	89		Giỏi	15	15	8,745,000	
139	22810310318	Dương Hoàng	Sơn	03/03/2004	D17CNPM5	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
140	22810310352	Phạm Sỹ	Chiến	07/02/2004	D17CNPM5	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
141	22810310314	Nguyễn ThàNh	ĐạT	13/01/2004	D17CNPM5	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
142	22810310354	Nguyễn Thị	Trinh	11/09/2004	D17CNPM5	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
143	22810310210	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	24/05/2004	D17CNPM3	3.57	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
144	22810310267	Đieu Thúy	Liên	20/09/2004	D17CNPM4	3.57	86		Giỏi	15	15	8,745,000	
145	22810310261	Võ Thị Kim	Liên	06/08/2004	D17CNPM4	3.57	79		Khá	15	15	7,950,000	
146	22810310138	Nguyễn Xuân	Giang	22/01/2004	D17CNPM2	3.53	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
147	22810310062	Nguyễn Quang	Huy	27/04/2004	D17CNPM1	3.5	82		Giỏi	15	15	8,745,000	
148	22810310297	Nguyễn Sơn	Tùng	29/06/2004	D17CNPM5	3.5	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
149	22810310425	Nguyễn Quốc	Việt	26/12/2004	D17CNPM6	3.5	82		Giỏi	15	15	8,745,000	
150	22810310029	Phạm Thị Thủy	Linh	19/12/2004	D17CNPM1	3.47	80		Giỏi	15	15	8,745,000	
151	22810310431	Khúc Xuân	Triển	28/07/2004	D17CNPM6	3.47	80		Giỏi	15	15	8,745,000	
152	22810340255	Trần Thị	Vy	17/11/2004	D17HTTMDT	3.47	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
153	22810340068	Trịnh Thị Thùy	Nga	23/10/2004	D17HTTMDT	3.43	86		Giỏi	15	15	8,745,000	
154	22810340364	Lại Thị Phương	Linh	01/09/2004	D17HTTMDT	3.43	86		Giỏi	15	15	8,745,000	
155	22810320435	Nguyễn Bảo	Khánh	04/08/2004	D17QTANM	3.63	79		Khá	15	15	7,950,000	
156	22810320039	Lê Gia	Huy	28/12/2004	D17QTANM	3.6	79		Khá	15	15	7,950,000	
157	22810310081	Lê Đăng	Vinh	10/01/2004	D17QTANM	3.33	80		Giỏi	15	15	8,745,000	
158	22810830121	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	20/10/2004	D17KT&KS	3.6	83		Giỏi	10	10	7,865,000	
159	22810830013	Nguyễn Thị	Hào	12/12/2004	D17KT&KS	3.55	87		Giỏi	10	10	7,865,000	
160	22810810074	Vũ Khánh	Đoan	07/04/2004	D17KTDN2	3.7	81		Giỏi	10	10	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
161	22810810146	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/01/2004	D17KTDN3	3.7	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
162	22810810051	Nguyễn Thị Thu	Diệu	24/11/2004	D17KTDN1	3.6	83		Giỏi	10	10	7,865,000	
163	22810810048	Trần Thành	Trung	19/03/2003	D17KTDN1	3.55	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
164	22810810010	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	21/11/2003	D17KTDN1	3.4	92		Giỏi	10	10	7,865,000	
165	22810810034	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	03/11/2004	D17KTDN1	3.4	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
166	22810810096	Trần Hồng	Thi	20/09/2004	D17KTDN2	3.4	87		Giỏi	10	10	7,865,000	
167	22810810182	Thịnh Thị	Oanh	25/02/2004	D17KTDN3	3.4	87		Giỏi	10	10	7,865,000	
168	22810810070	Trương Thị	Miền	11/05/2004	D17KTDN1	3.35	82		Giỏi	10	10	7,865,000	
169	22810810180	Vương Quế	Hương	13/09/2004	D17KTDN3	3.35	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
170	22810810183	Nguyễn Đặng Thị Kim	Ngân	15/01/2004	D17KTDN3	3.35	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
171	22810810144	Vũ Ngọc	Anh	05/07/2004	D17KTDN3	3.35	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
172	22810810053	Đào Thị Hương	Quỳnh	18/12/2004	D17KTDN1	3.25	89		Giỏi	10	10	7,865,000	
173	22810810032	Nguyễn Như	Quỳnh	11/03/2004	D17KTDN1	3.25	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
174	22810810184	Nguyễn Hà	Phương	15/09/2003	D17KTDN3	3.25	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
175	22810850014	Nguyễn Hiền	Lương	01/01/2003	D17KIEMTO AN1	3.85	96		Xuất sắc	10	10	8,580,000	
176	22810850066	Nguyễn Đình	Nam	08/12/2004	D17KIEMTO AN2	3.7	92		Xuất sắc	10	10	8,580,000	
177	22810850046	Đại Thị Thùy	Linh	08/05/2004	D17KIEMTO AN2	3.6	84		Giỏi	10	10	7,865,000	
178	22810850007	Nguyễn Thị Kiều	Linh	17/04/2004	D17KIEMTO AN1	3.45	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
179	22810850010	Dương Thị Kim	Ngân	19/11/2004	D17KIEMTO AN2	3.25	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
180	22810850026	Trần Thu	Huyền	27/06/2004	D17KIEMTO AN2	3.25	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
181	22819120042	Hồ Văn	Toán	28/10/2004	D17DIENLA NH1	3.36	84		Giỏi	11	11	8,745,000	
182	22819120004	Đoàn Việt	Cương	01/12/2004	D17DIENLA NH1	3.18	85		Khá	11	11	7,950,000	
183	22819120053	Nguyễn Anh	Quân	04/06/2004	D17DIENLA NH1	2.91	83		Khá	11	11	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
184	22819120013	Trần Quốc	Đạt	13/03/2003	D17DIENLA NH1	2.91	85		Khá	11	11	7,950,000	
185	22819120080	Nguyễn Đình Việt	Anh	06/03/2004	D17DIENLA NH1	2.86	84		Khá	11	11	7,950,000	
186	22819120011	Nguyễn Minh	Hiếu	04/12/2004	D17DIENLA NH1	2.82	85		Khá	11	11	7,950,000	
187	22819120057	Triệu Văn	Chinh	30/09/2004	D17DIENLA NH1	2.82	84		Khá	11	11	7,950,000	
188	22819120014	Hoàng Quý	Anh	09/06/2003	D17DIENLA NH1	2.73	78		Khá	11	11	7,950,000	
189	22819120109	Mai Xuân	Điệp	06/02/2004	D17DIENLA NH2	2.68	78		Khá	11	11	7,950,000	
190	22819130058	Đặng Hoàng	Long	22/09/2004	D17NHIETC N	3.36	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
191	22819130021	Lê Tuấn	Nam	04/10/2004	D17NHIETC N	2.59	83		Khá	11	11	7,950,000	
192	22819110074	Nguyễn Duy	Huỳnh	04/01/2004	D17NHIETDI FN	3.18	84		Khá	11	11	7,950,000	
193	22819110001	Nguyễn Văn	Hải	21/07/2004	D17NHIETDI FN	2.64	86		Khá	11	11	7,950,000	
194	22819110025	Đỗ Trung	Kiên	15/02/2004	D17NHIETDI FN	2.64	86		Khá	11	11	7,950,000	
195	22810230049	Bùi Lê Thanh	Huyền	24/11/2004	D17LOGISTI CS1	3.73	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
196	22810230165	Đỗ Thị	Thương	22/01/2004	D17LOGISTI CS2	3.73	84		Giỏi	11	11	8,745,000	
197	22810230135	Nguyễn Phương	Loan	17/01/2004	D17LOGISTI CS2	3.73	84		Giỏi	11	11	8,745,000	
198	22810230112	Nghiêm Thị	Hằng	09/03/2004	D17LOGISTI CS2	3.73	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
199	22810230097	Lê Tuấn	Nghĩa	26/05/2004	D17LOGISTI CS1	3.73	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
200	22810230203	An Ngọc	Thảo	16/07/2004	D17LOGISTI CS2	3.73	84		Giỏi	11	11	8,745,000	
201	22810230120	Doãn Kim	Học	28/01/2004	D17LOGISTI CS2	3.73	84		Giỏi	11	11	8,745,000	
202	22810230025	Đỗ Thị Tuyết	Dung	27/05/2004	D17LOGISTI CS1	3.64	86		Giỏi	11	11	8,745,000	
203	22810230163	Nguyễn Anh	Tài	23/10/2004	D17QLCN2	3.32	88		Giỏi	11	11	8,745,000	
204	22810230001	Bùi Thu	Thùy	03/03/2004	D17QLCN1	3.09	88		Khá	11	11	7,950,000	
205	22810230162	Nguyễn Thị	Hiền	29/09/2004	D17QLCN2	3.09	87		Khá	11	11	7,950,000	
206	22810230063	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	15/10/2004	D17QLCN2	3.05	87		Khá	11	11	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
207	22810230051	Chu Quang	Huy	13/09/2004	D17QLCN2	3.05	87		Khá	11	11	7,950,000	
208	22810230024	Nguyễn Trọng	Nghĩa	01/01/2004	D17QLCN1	2.95	85		Khá	11	11	7,950,000	
209	22810230015	Nguyễn Viết	Triệu	10/02/2004	D17QLCN1	2.91	90		Khá	11	11	7,950,000	
210	22810230144	Nguyễn Quang	Huy	21/01/2004	D17QLCN2	2.91	87		Khá	11	11	7,950,000	
211	22810250133	Nguyễn Đông	Phong	10/01/2004	D17QLCN2	2.86	76		Khá	11	11	7,950,000	
212	22810260130	Nguyễn Bá	DưỖNg	12/05/2004	D17QLNL1	3.23	85		Giỏi	11	11	8,745,000	
213	22810260115	Trần Trọng	Ngọc	06/11/2004	D17QLNL2	3.05	86		Khá	11	11	7,950,000	
214	22810260146	Trịnh Quốc	Đạt	09/04/2004	D17QLNL1	3	85		Khá	11	11	7,950,000	
215	22810270030	Trần Minh	Đức	09/12/2004	D17QLNL1	2.91	83		Khá	11	11	7,950,000	
216	22810000122	Nguyễn Văn	Chiến	12/06/2004	D17QLNL1	2.86	84		Khá	11	11	7,950,000	
217	22810260200	Khuất Vũ Anh	Thư	21/10/2004	D17QLNL2	2.82	86		Khá	11	11	7,950,000	
218	22810260147	Bùi Thu	Huyền	30/10/2004	D17QLNL2	2.77	93		Khá	11	11	7,950,000	
219	22810260127	Phan Duy	Tuấn	09/02/2004	D17QLNL2	2.73	83		Khá	11	11	7,950,000	
220	22810720114	Phạm Thị Ngọc	Ly	21/05/2004	D17QTDLKS	3.6	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
221	22810720061	Vương Mạnh	Khuê	03/05/2004	D17QTDLKS	3.3	89		Giỏi	10	10	7,865,000	
222	22810710127	Mai Khánh	Hòa	18/10/2004	D17QTDN2	3.7	84		Giỏi	10	10	7,865,000	
223	22810710092	Trần Phương	Anh	20/10/2004	D17QTDN2	3.7	87		Giỏi	10	10	7,865,000	
224	22810710073	Phạm Thị Thùy	Trang	18/05/2004	D17QTDN2	3.7	80		Giỏi	10	10	7,865,000	
225	22810710191	Đặng Thùy	Linh	25/04/2004	D17QTDN3	3.7	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
226	22810710065	Bùi Đình	Kiên	24/09/2004	D17QTDN1	3.55	84		Giỏi	10	10	7,865,000	
227	22810710085	Nguyễn Thị Hải	Yến	16/09/2004	D17QTDN2	3.55	84		Giỏi	10	10	7,865,000	
228	22810710047	Nguyễn Thị Bạch	Dương	14/07/2004	D17QTDN1	3.5	80		Giỏi	10	10	7,865,000	
229	22810710133	Trần Thị	Thủy	30/07/2004	D17QTDN2	3.5	84		Giỏi	10	10	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
230	22810720005	Trần Trung	Dũng	10/10/2004	D17QTDN3	3.45	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
231	22810710157	Phạm Thị Ngọc	Hà	19/10/2004	D17QTDN3	3.45	83		Giỏi	10	10	7,865,000	
232	22810710095	Nguyễn Thị	Thảo	12/12/2004	D17QTDN2	3.4	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
233	22810710121	Trần Thị Hồng	Nhung	25/09/2004	D17QTDN2	3.4	78		Khá	10	10	7,150,000	
234	22810710038	Đoàn Đình	Đông	14/05/2004	D17QTDN1	3.3	89		Giỏi	10	10	7,865,000	
235	22810710001	Nguyễn Thảo	Ngân	08/10/2004	D17QTDN1	3.3	88		Giỏi	10	10	7,865,000	
236	22810840021	Chu Thị Quỳnh	Nga	25/09/2004	D17NGANH ANG	3	88		Khá	10	10	7,150,000	
237	22810840107	Doãn Thị Hải	Yến	07/04/2004	D17NGANH ANG	2.7	95		Khá	10	10	7,150,000	
238	22810840074	Doãn Thúy	Hồng	01/04/2004	D17NGANH ANG	2.5	84		Khá	10	10	7,150,000	
239	22810820042	Lê Hồng	Nhung	12/03/2004	D17TCDN1	3.7	84		Giỏi	10	10	7,865,000	
240	22810820049	Đặng Thị	Nụ	05/05/2004	D17TCDN1	3.7	80		Giỏi	10	10	7,865,000	
241	22810820093	Ngô Thanh	Hương	11/03/2004	D17TCDN2	3.7	78		Khá	10	10	7,150,000	
242	22810820118	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	26/01/2004	D17TCDN2	3.7	84		Giỏi	10	10	7,865,000	
243	22810820020	Nguyễn Thị Thu	Giang	15/02/2004	D17TCDN2	3.7	81		Giỏi	10	10	7,865,000	
244	22810820030	Dương Thị Lan	Anh	13/11/2004	D17TCDN2	3.7	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
245	22810820039	Hà Thị	Hậu	25/07/2004	D17TCDN1	3.4	88		Giỏi	10	10	7,865,000	
246	22810860088	Đào Kim	Oanh	02/04/2004	D17KDTMTT 2	3.7	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
247	22810860029	Nguyễn Duy	Phú	13/01/2004	D17KDTMTT 1	3.6	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
248	22810860060	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/09/2004	D17KDTMTT 1	3.55	86		Giỏi	10	10	7,865,000	
249	22810860034	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	20/07/2004	D17KDTMTT 1	3.4	88		Giỏi	10	10	7,865,000	
250	22810860025	Trần Thị Thùy	Linh	10/05/2004	D17KDTMTT 1	3.4	87		Giỏi	10	10	7,865,000	
251	22810860038	Nguyễn Đức	Thắng	26/06/2004	D17KDTMTT 1	3.4	87		Giỏi	10	10	7,865,000	
252	22810860041	Vũ Thị	Hường	07/08/2003	D17KDTMTT 1	3.4	86		Giỏi	10	10	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
253	22810860026	Nguyễn Thị	Hà	13/11/2004	D17KDTMTT 2	3.4	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
254	22810860059	Nguyễn Thị Thu	Hương	14/11/2004	D17KDTMTT 2	3.4	85		Giỏi	10	10	7,865,000	
255	21810000399	Trần Mai	Thi	13/08/2003	D16QTDVDL &LH1	3.68	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
256	21810720016	Lê Thị Anh	Đoài	18/02/2002	D16QTDVDL &LH2	3.68	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
257	21810000402	Tiêu Thị	Dung	15/09/2003	D16QTDVDL &LH1	3.41	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
258	21810000411	Trịnh Thị Như	Quỳnh	05/04/2003	D16QTDVDL &LH2	3.35	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
259	21810000393	Nguyễn Thị Thùy	Linh	19/12/2003	D16QTDVDL &LH1	3.29	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
260	21810000389	Nguyễn Thị	Lệ	29/05/2003	D16QTDVDL &LH1	3.26	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
261	21810000372	Nguyễn Thị	Hà	23/03/2003	D16QTDVDL &LH1	3.24	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
262	21810620030	Nguyễn Văn	Đông	06/11/2003	D16CODY1	3.28	89		Giỏi	18	18	8,745,000	
263	21810620384	Hoàng Mạnh	Sơn	07/10/2003	D16CODY1	3.25	84		Giỏi	18	18	8,745,000	
264	21810620379	Trần Văn	Chiến	02/05/2003	D16CODY3	3.14	88		Khá	18	18	7,950,000	
265	21810620373	Nguyễn Văn	Doanh	20/10/2003	D16CODY3	3.08	85		Khá	18	18	7,950,000	
266	21810620448	Nguyễn Như	Hân	18/11/2003	D16CODY3	3.08	85		Khá	18	18	7,950,000	
267	21810620017	Nguyễn Văn	Cường	06/06/2003	D16CODY1	3	87		Khá	18	18	7,950,000	
268	21810620430	Nguyễn Danh	Đạt	20/10/2003	D16CODY3	2.97	85		Khá	18	18	7,950,000	
269	21810620081	Trần Như	Giang	21/03/2003	D16CODY3	2.92	85		Khá	18	18	7,950,000	
270	21810620078	Nguyễn Duy	Hùng	09/10/2003	D16CODY3	2.92	85		Khá	18	18	7,950,000	
271	21810620028	Hoàng Đại	Dương	18/02/2003	D16CODY1	2.89	90		Khá	18	18	7,950,000	
272	21810620550	Dương Thế	Sơn	27/05/2003	D16CODY5	2.81	79		Khá	18	18	7,950,000	
273	21810620392	Đỗ Khải	Linh	14/01/2003	D16CODY1	2.72	86		Khá	18	18	7,950,000	
274	21810620046	Nguyễn Tuấn	Kiệt	17/12/2003	D16CODY2	2.69	79		Khá	18	18	7,950,000	
275	21810620585	Nguyễn Văn	Sơn	09/02/2003	D16CODY5	2.69	79		Khá	18	18	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
276	21810620505	Nguyễn Minh	Hiếu	06/08/2003	D16CODY4	2.67	88		Khá	18	18	7,950,000	
277	21810620082	Nguyễn Hoàng	Tuấn	09/10/2003	D16CODY3	2.64	85		Khá	18	18	7,950,000	
278	21810620482	Phạm Xuân	Mỹ	18/03/2003	D16CODY4	2.62	85		Khá	21	18	7,950,000	
279	21810620436	Nguyễn Khánh	Toàn	29/01/2003	D16CODY3	2.61	86		Khá	18	18	7,950,000	
280	21810620035	Đỗ Anh	Đức	25/07/2003	D16CODY1	2.53	88		Khá	18	18	7,950,000	
281	21810620514	Nguyễn Văn	Giáp	17/02/2003	D16CODY4	2.53	89		Khá	18	18	7,950,000	
282	21810620023	Bì Văn	Đăng	15/10/2003	D16CODY1	2.5	89		Khá	18	18	7,950,000	
283	21810620475	Hoàng Văn	Hải	06/11/2003	D16CODY4	2.5	80		Khá	18	18	7,950,000	
284	21810630352	Đinh Văn	Quyền	17/03/2003	D16XDCTD	2.57	85		Khá	14	14	7,950,000	
285	21810610398	Vương Xuân	Thắng	11/03/2003	D16CKCTM	2.92	83		Khá	18	18	7,950,000	
286	21810610379	Nguyễn Văn	Long	15/09/2003	D16CKCTM	2.69	92		Khá	18	18	7,950,000	
287	21810510033	Đỗ Mạnh	Hà	14/11/2003	D16DT&KT MT1	3.13	88		Khá	16	16	7,950,000	
288	21810550507	Trần Quý	Dương	28/04/2003	D16DT&KT MT1	2.63	89		Khá	16	16	7,950,000	
289	21810540484	Mạc Anh	Khiêm	07/04/2003	D16DT&KT MT2	3.25	83		Giỏi	16	16	8,745,000	
290	21810540470	Nguyễn Hữu	Đạt	17/07/2003	D16DT&KT MT2	3.06	89		Khá	16	16	7,950,000	
291	21810540440	Đào Xuân	Hà	20/01/2003	D16DT&KT MT2	2.63	77		Khá	16	16	7,950,000	
292	21810540514	Bùi Văn	Nam	29/04/2003	D16DT&KT MT2	2.63	79		Khá	16	16	7,950,000	
293	21810550388	Phan Tiến	Vượng	26/09/2003	D16DTRB	2.56	80		Khá	16	16	7,950,000	
294	21810510031	Phạm Thị	Hường	27/05/2003	D16DTVT1	3.88	90		Xuất sắc	16	16	9,540,000	
295	21810510511	Dương Đức	Tú	27/03/2003	D16DTVT2	3.44	83		Giỏi	16	16	8,745,000	
296	21810510416	Phạm Bá	Quý	02/06/2003	D16DTVT2	3.13	84		Khá	16	16	7,950,000	
297	21810510473	Nguyễn Hoàng	Đại	11/05/2003	D16DTVT2	3	80		Khá	16	16	7,950,000	
298	21810510447	Bùi Quang	Minh	26/07/2003	D16DTVT2	2.84	83		Khá	16	16	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
299	21810510036	Đinh Tiến	Hung	29/12/2003	D16DTVT1	2.81	81		Khá	16	16	7,950,000	
300	21810510086	Đỗ Thành	Nam	09/02/2003	D16DTVT1	2.78	93		Khá	16	16	7,950,000	
301	21810560491	Kiều Hữu Khánh	Dương	26/03/2003	D16HTTM&I OT	3.19	89		Khá	16	16	7,950,000	
302	21810520508	Hoàng Thu	Thùy	27/03/2003	D16KTDĐT	3.16	86		Khá	16	16	7,950,000	
303	21810570436	Đỗ Nhật	Linh	01/01/2003	D16MVT&M T	3.41	85		Giỏi	16	16	8,745,000	
304	21810510093	Cao Văn	Đức	06/08/2003	D16MVT&M T	3.13	82		Khá	16	16	7,950,000	
305	21810570430	Nguyen Hoang Khánh	Minh	09/02/2003	D16MVT&M T	3.06	83		Khá	16	16	7,950,000	
306	21810180249	Đỗ Mạnh	Huy	06/03/2003	D16DCN&D D1	3.63	87		Giỏi	16	16	8,745,000	
307	21810110193	Trần Văn	Thiện	27/10/2003	D16DCN&D D2	3.19	83		Khá	16	16	7,950,000	
308	21810110204	Nguyễn Văn	Quang	17/11/2003	D16DCN&D D2	3.13	68		Khá	16	16	7,950,000	
309	21810110125	Lê Văn	Linh	01/10/2003	D16DCN&D D1	3.06	89		Khá	16	16	7,950,000	
310	21810180503	Đào Ngọc	Đức	20/02/2003	D16DCN&D D2	3.06	88		Khá	16	16	7,950,000	
311	21810180415	Phạm Văn	Chiến	04/02/2003	D16DCN&D D2	3.06	86		Khá	16	16	7,950,000	
312	21810110019	Trần Quốc	Toàn	03/02/2003	D16DCN&D D1	3	91		Khá	16	16	7,950,000	
313	21810180550	Trần Hải	Nam	12/07/2003	D16DCN&D D1	2.94	84		Khá	16	16	7,950,000	
314	21810180214	Đỗ Mạnh	Quý	21/08/2003	D16DCN&D D2	2.94	85		Khá	16	16	7,950,000	
315	21810180433	Nguyễn Văn	Hưởng	08/10/2003	D16DCN&D D2	2.88	87		Khá	16	16	7,950,000	
316	21810110261	Vũ Đức	Anh	10/07/2003	D16H2	3.38	89		Giỏi	16	16	8,745,000	
317	21810110005	Nguyễn Văn	Vương	28/09/2003	D16H1	3.31	93		Giỏi	16	16	8,745,000	
318	21810110007	Nguyễn Quang	Trọng	28/11/2003	D16H1	3.31	94		Giỏi	16	16	8,745,000	
319	21810110548	Hoàng Trọng	Đại	12/02/2003	D16H4	3.31	83		Giỏi	16	16	8,745,000	
320	21810110003	Nguyễn Trúc	Linh	11/12/2003	D16H1	3.19	89		Khá	16	16	7,950,000	
321	21810110026	Lưu Xuân	Huy	13/09/2002	D16H1	3.19	85		Khá	16	16	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
322	21810110085	Nguyễn Đức	Mạnh	31/01/2003	D16H1	3.13	89		Khá	16	16	7,950,000	
323	21810110018	Nguyễn Thành	Đạt	16/07/2003	D16H1	3	92		Khá	16	16	7,950,000	
324	21810110015	Nguyễn Đỗ Huyền	Trang	10/08/2003	D16H1	3	89		Khá	16	16	7,950,000	
325	21810110098	Phạm Mai Minh	Phương	21/11/2003	D16H1	2.94	84		Khá	16	16	7,950,000	
326	21810110496	Lương Minh	Hoàng	09/03/2003	D16H4	2.94	87		Khá	16	16	7,950,000	
327	21810110464	Nguyễn Chu Gia	Bảo	05/07/2003	D16H4	2.94	85		Khá	16	16	7,950,000	
328	21810110482	Đặng Gia	Bảo	17/07/2003	D16H4	2.81	83		Khá	16	16	7,950,000	
329	21810110233	Nguyễn Xuân	Quỳnh	02/08/2003	D16H2	2.75	86		Khá	16	16	7,950,000	
330	21810110369	Mai Văn	Đoàn	21/03/2003	D16H3	2.75	81		Khá	16	16	7,950,000	
331	21810110455	Nguyễn Phương	Linh	27/07/2003	D16H4	2.75	82		Khá	16	16	7,950,000	
332	21810110485	Vũ Việt	Đạt	04/03/2003	D16H4	2.69	85		Khá	16	16	7,950,000	
333	21810110030	Kiều Văn	Dũng	07/04/2003	D16LDTM	2.56	89		Khá	16	16	7,950,000	
334	21810110178	Phan Lê	Hoàn	04/09/2003	D16TDHHTD ₂	3.56	87		Giỏi	16	16	8,745,000	
335	21810170296	Nguyễn Như	Huỳnh	18/10/2002	D16TDHHTD ₂	3.5	91		Giỏi	16	16	8,745,000	
336	21810170340	Lê Minh	Sang	07/06/2003	D16TDHHTD ₂	3.44	89		Giỏi	16	16	8,745,000	
337	21810110143	Đinh Đức	Cường	05/05/2003	D16TDHHTD ₂	3.25	89		Giỏi	16	16	8,745,000	
338	21810170466	Nguyễn Tri	Linh	03/04/2003	D16TDHHTD ₃	3.25	87		Giỏi	16	16	8,745,000	
339	21810170218	Chu Hoàng	Anh	26/11/2000	D16TDHHTD ₁	3.19	85		Khá	16	16	7,950,000	
340	21810110191	Lê Tuấn	Anh	17/06/2003	D16TDHHTD ₂	3.19	84		Khá	16	16	7,950,000	
341	21810110069	Mai Thị Bảo	Ngọc	01/05/2003	D16TDHHTD ₁	3.13	82		Khá	16	16	7,950,000	
342	21810170372	Trịnh Châu	Giang	28/10/2003	D16TDHHTD ₂	3.13	90		Khá	16	16	7,950,000	
343	21810170418	Nguyễn Văn	Lộc	21/09/2003	D16TDHHTD ₃	3.13	90		Khá	16	16	7,950,000	
344	21810170515	Lê Thế	Nam	10/12/2003	D16TDHHTD ₃	3.06	88		Khá	16	16	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
345	21810170311	Lương Đức	Lộc	25/10/2003	D16TDHHTD ₂	3	88		Khá	16	16	7,950,000	
346	21810110161	Phạm Minh	Hiếu	11/04/2003	D16TDHHTD ₂	3	88		Khá	16	16	7,950,000	
347	21810410145	Lê Đình	Việt	15/06/2003	D16CNKTDK ₁	2.78	88		Khá	18	18	7,950,000	
348	21810410712	Đình Chí	Toàn	22/07/2003	D16CNKTDK ₂	2.5	81		Khá	18	18	7,950,000	
349	21819100002	Trần Tiến	Đạt	19/10/2003	D16NLTT	2.75	96		Khá	16	16	7,950,000	
350	21819150371	Trần Đức	Lương	17/10/2003	D16NLTT	2.5	79		Khá	16	16	7,950,000	
351	21819140271	Nguyễn Khánh	Linh	12/01/2003	D16QLMTCN	3.06	88		Khá	16	16	7,950,000	
352	21810430612	Lê Thái	Dương	25/11/2003	D16TDH&D KTBCN5	3.69	92		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
353	21810430689	Nguyễn Minh	Đức	10/10/2003	D16TDH&D KTBCN5	3.64	93		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
354	21810430680	Nguyễn Việt	Anh	06/04/2003	D16TDH&D KTBCN5	3.44	91		Giỏi	18	18	8,745,000	
355	21810410060	Trần Quang	Trường	03/09/2003	D16TDH&D KTBCN1	3.36	88		Giỏi	18	18	8,745,000	
356	21810430666	Lê Khánh	Dương	23/05/2003	D16TDH&D KTBCN5	2.94	90		Khá	18	18	7,950,000	
357	21810410665	Nguyễn Tiến	Sơn	07/01/2003	D16TDH&D KTBCN3	2.89	85		Khá	18	18	7,950,000	
358	21810430471	Lại Đức	Tâm	03/02/2003	D16TDH&D KTBCN3	2.83	87		Khá	18	18	7,950,000	
359	21810430704	Lê Văn	Vinh	10/05/2003	D16TDH&D KTBCN5	2.81	81		Khá	18	18	7,950,000	
360	21810430493	Phạm Trọng	Hiếu	30/08/2002	D16TDH&D KTBCN3	2.78	83		Khá	18	18	7,950,000	
361	21810430685	Nguyễn Văn	Quang	01/06/2003	D16TDH&D KTBCN5	2.75	80		Khá	18	18	7,950,000	
362	21810430690	Nguyễn Văn	Ninh	10/09/2003	D16TDH&D KTBCN5	2.72	88		Khá	18	18	7,950,000	
363	21810410155	Lê Thành	Nam	08/01/2003	D16TDH&D KTBCN2	2.61	86		Khá	18	18	7,950,000	
364	21810430723	Phạm Huy	Đại	11/10/2003	D16TDH&D KTBCN4	2.61	87		Khá	18	18	7,950,000	
365	21810430487	Nguyễn Minh	Trí	21/08/2003	D16TDH&D KTBCN3	2.58	84		Khá	18	18	7,950,000	
366	21810430530	Nguyễn Đức	Tuấn	20/04/2003	D16TDH&D KTBCN4	2.56	80		Khá	18	18	7,950,000	
367	21810430622	Vũ Tiến	Trung	17/12/2003	D16TDH&D KTBCN5	2.56	88		Khá	18	18	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
368	21810430686	Nguyễn Quốc	Bảo	23/01/2003	D16TDH&D KTBCN5	2.53	88		Khá	18	18	7,950,000	
369	21810440627	Hồ Sỹ	Việt	22/07/2003	D16THDK&T DH2	3.34	92		Giỏi	19	19	8,745,000	
370	21810440632	Nguyễn Tiến	Đạt	06/12/2003	D16THDK&T DH2	3.05	83		Khá	22	19	7,950,000	
371	21810440669	Nguyễn Anh	Đức	18/10/2003	D16THDK&T DH2	3.05	84		Khá	19	19	7,950,000	
372	21810410018	Nguyễn Văn	Khang	17/05/2003	D16THDK&T DH1	3	90		Khá	19	19	7,950,000	
373	21810440600	Trần Trung	Nguyên	03/10/2003	D16THDK&T DH2	2.95	85		Khá	19	19	7,950,000	
374	21810410090	Trần Vũ Phương	Nam	15/01/2003	D16THDK&T DH2	2.89	81		Khá	19	19	7,950,000	
375	21810440728	Hoa Anh Trung	Dũng	15/04/2003	D16THDK&T DH2	2.61	84		Khá	19	19	7,950,000	
376	21810440635	Vũ Mạnh	Thắng	15/09/2003	D16THDK&T DH2	2.58	80		Khá	19	19	7,950,000	
377	21810440727	Nguyễn Thế	Bảo	17/05/2003	D16THDK&T DH1	2.5	82		Khá	19	19	7,950,000	
378	21810310144	Phạm Thị Thu	Hoài	12/02/2003	D16CNPM5	3.94	84		Giỏi	18	18	8,745,000	
379	21810310070	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/04/2003	D16CNPM1	3.89	89		Giỏi	18	18	8,745,000	
380	21810310370	Lý Văn	Chuyển	01/03/2003	D16CNPM2	3.89	89		Giỏi	18	18	8,745,000	
381	21810310453	Hồ Thị	Nhung	03/05/2003	D16CNPM4	3.89	81		Giỏi	18	18	8,745,000	
382	21810310530	Nguyễn Phương	Thảo	26/05/2003	D16CNPM5	3.89	83		Giỏi	18	18	8,745,000	
383	21810310613	Nguyễn Thị Trà	Giang	05/11/2003	D16CNPM7	3.89	90		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
384	21810310512	Mai Đình	Đạt	20/05/2003	D16CNPM5	3.83	84		Giỏi	18	18	8,745,000	
385	21810310141	Lương Thùy	Dung	18/03/2003	D16CNPM5	3.83	83		Giỏi	18	18	8,745,000	
386	21810310185	Lê Mạnh	Trường	13/11/2003	D16CNPM6	3.83	80		Giỏi	18	18	8,745,000	
387	21810310565	Lã Tiến	Anh	13/12/2003	D16CNPM6	3.83	81		Giỏi	18	18	8,745,000	
388	21810310193	Vũ Thị Hoài	Thu	10/03/2003	D16CNPM7	3.83	87		Giỏi	18	18	8,745,000	
389	21810310609	Nguyễn Văn	Tùng	03/12/2003	D16CNPM7	3.83	83		Giỏi	18	18	8,745,000	
390	21810310394	Trần Thanh	Ngân	16/09/2003	D16CNPM2	3.78	82		Giỏi	18	18	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
391	21810310448	Nguyễn Quốc	Việt	12/12/2003	D16CNPM3	3.78	84		Giỏi	18	18	8,745,000	
392	21810310150	Lê Thị	Trà	25/10/2003	D16CNPM5	3.78	84		Giỏi	18	18	8,745,000	
393	21810310176	Ngô Thu	Thùy	13/10/2003	D16CNPM6	3.78	76		Khá	18	18	7,950,000	
394	21810310371	Nguyễn Thị	Trang	24/08/2003	D16CNPM2	3.75	94		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
395	21810310146	Lương Thị Xuân	Mai	26/12/2003	D16CNPM5	3.72	88		Giỏi	18	18	8,745,000	
396	21810310439	Nguyễn Văn	Phúc	06/03/2003	D16CNPM5	3.72	84		Giỏi	18	18	8,745,000	
397	21810310560	Vũ Đức	Thắng	14/10/2003	D16CNPM6	3.72	80		Giỏi	18	18	8,745,000	
398	21810310014	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/07/2003	D16CNPM1	3.67	87		Giỏi	18	18	8,745,000	
399	21810310127	Ứng Ngọc	Trí	21/08/2003	D16CNPM4	3.67	81		Giỏi	18	18	8,745,000	
400	21810310183	Nguyễn Tường	Vy	08/07/2003	D16CNPM6	3.67	88		Giỏi	18	18	8,745,000	
401	21810310645	Trần Thị	Lương	05/05/2003	D16CNPM6	3.67	76		Khá	18	18	7,950,000	
402	21810310039	Trần Việt	Bách	03/11/2003	D16CNPM1	3.64	85		Giỏi	18	18	8,745,000	
403	21810310011	Đặng Quang	Thái	24/11/2003	D16CNPM1	3.64	81		Giỏi	18	18	8,745,000	
404	21810310426	Trịnh Mỹ	Duyên	17/05/2003	D16CNPM3	3.64	89		Giỏi	18	18	8,745,000	
405	21810310136	Đỗ Thị Ánh	Huyền	30/11/2003	D16CNPM4	3.61	91		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
406	21810310492	Lại Thị	Tâm	08/06/2003	D16CNPM4	3.61	87		Giỏi	18	18	8,745,000	
407	21810340607	Ngô Thị Quỳnh	Mai	15/09/2003	D16HTTMDT	3.89	86		Giỏi	18	18	8,745,000	
408	21810340581	Nguyễn Thị Phương	Anh	16/05/2003	D16HTTMDT	3.83	87		Giỏi	18	18	8,745,000	
409	21810310174	Vũ Thị	Huyền	28/05/2003	D16HTTMDT	3.78	88		Giỏi	18	18	8,745,000	
410	21810310133	Trần Phương	Anh	22/06/2003	D16HTTMDT	3.72	90		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
411	21810310042	Nguyễn Hữu Việt	Anh	13/02/2003	D16QTANM	3.78	87		Giỏi	18	18	8,745,000	
412	21810310007	Nguyễn Quốc	Việt	11/08/2003	D16QTANM	3.72	90		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
413	21810310031	Ngô Minh	Hiếu	22/05/2003	D16TTNT&T GMT	3.83	84		Giỏi	18	18	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
414	21810830235	Dương Thị Thu	Trang	11/03/2003	D16KT&KS	3.5	81		Giỏi	17	17	7,865,000	
415	21810830233	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002	D16KT&KS	3.35	90		Giỏi	17	17	7,865,000	
416	21810810227	Trần Thu	Trang	26/03/2003	D16KTDN4	3.79	86		Giỏi	17	17	7,865,000	
417	21810810234	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/10/2003	D16KTDN4	3.76	96		Xuất sắc	17	17	8,580,000	
418	21810810298	Võ Thị	Thúy	03/09/2003	D16KTDN5	3.71	90		Xuất sắc	17	17	8,580,000	
419	21810810132	Nguyễn Thảo	Ngân	03/01/2003	D16KTDN2	3.65	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
420	21810810229	Vũ Thị Ngọc	Ánh	09/09/2003	D16KTDN4	3.65	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
421	21810810042	Trần Thị Kim	Duyên	13/11/2003	D16KTDN1	3.53	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
422	21810810041	Nguyễn Thị Thu	Ngân	12/07/2003	D16KTDN1	3.53	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
423	21810810025	Lưu Ngọc	Ánh	30/09/2003	D16KTDN1	3.41	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
424	21810810040	Đào Thị Thanh	Huyền	28/10/2003	D16KTDN1	3.41	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
425	21810810176	Đỗ Thị Bảo	Yến	18/02/2003	D16KTDN3	3.41	92		Giỏi	17	17	7,865,000	
426	21810810159	Trần Vân	Anh	30/07/2003	D16KTDN3	3.41	86		Giỏi	17	17	7,865,000	
427	21810810224	Đặng Mai	Phương	01/06/2003	D16KTDN4	3.41	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
428	21810810131	Nguyễn Thu	Giang	21/05/2003	D16KTDN2	3.38	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
429	21810810133	Đỗ Nhật	Linh	19/07/2003	D16KTDN2	3.38	92		Giỏi	17	17	7,865,000	
430	21810810165	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/12/2003	D16KTDN3	3.38	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
431	21810810272	Trần Thị	Ngân	03/04/2003	D16KTDN5	3.38	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
432	21810810043	Nguyễn Minh Ánh	Dương	02/05/2003	D16KTDN1	3.35	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
433	21810810184	Vũ Thị Thu	Hà	21/07/2002	D16KTDN3	3.35	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
434	21810810065	Lê Minh	Thư	20/09/2003	D16KTDN1	3.29	91		Giỏi	17	17	7,865,000	
435	21810810191	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	19/08/2003	D16KTDN3	3.29	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
436	21810810182	Lê Thanh	Nhàn	11/10/2003	D16KTDN3	3.29	89		Giỏi	17	17	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
437	21810810017	Nguyễn Nam	Phương	14/12/2003	D16KTDN1	3.29	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
438	21810810052	Nguyễn Thị	Trang	24/02/2003	D16KTDN1	3.29	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
439	21810850202	Phạm Thị Ngọc	Anh	15/10/2003	D16KIEMTO AN	3.53	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
440	21810850210	Đinh Thị Phương	Thư	14/07/2003	D16KIEMTO AN	3.29	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
441	21810850205	Nguyễn Thị Minh	Đức	29/04/2003	D16KIEMTO AN	3.26	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
442	21810850389	Nguyễn Minh	Xuân	01/02/2003	D16KIEMTO AN	3.24	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
443	21810850406	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/02/2003	D16KIEMTO AN	3.21	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
444	21819120163	Phùng	Hưng	25/01/2001	D16DIENLA NH2	2.81	76		Khá	16	16	7,950,000	
445	21819110164	Nguyễn Văn	Hoàng	24/05/2003	D16NHIEIDI FN	2.63	83		Khá	16	16	7,950,000	
446	21810230497	Dương Thị Vân	Anh	15/10/2003	D16LOGISTI CS2	3.94	92		Xuất sắc	16	16	9,540,000	
447	21810230019	Mai Văn	Điền	26/03/2000	D16LOGISTI CS1	3.88	86		Giỏi	16	16	8,745,000	
448	21810230061	Đào Thị Hồng	Nhung	26/08/2003	D16LOGISTI CS2	3.81	87		Giỏi	16	16	8,745,000	
449	21810230029	Thái Thị	Trang	08/10/2001	D16LOGISTI CS1	3.75	83		Giỏi	16	16	8,745,000	
450	21810230387	Trần Lý Tùng	Sơn	08/11/2003	D16LOGISTI CS2	3.75	82		Giỏi	16	16	8,745,000	
451	21810230059	Vương Thị Hà	Anh	11/04/2003	D16LOGISTI CS2	3.72	83		Giỏi	16	16	8,745,000	
452	21810230459	Nguyễn Quang	Minh	24/08/2003	D16LOGISTI CS3	3.69	93		Xuất sắc	16	16	9,540,000	
453	21810230464	Võ Thu	Hiền	07/05/2003	D16LOGISTI CS3	3.63	88		Giỏi	16	16	8,745,000	
454	21810230413	Nguyễn Thị	Thoa	08/05/2003	D16LOGISTI CS2	3.63	84		Giỏi	16	16	8,745,000	
455	21810230399	Nguyễn Thị	Ngọc	30/08/2003	D16LOGISTI CS2	3.59	82		Giỏi	16	16	8,745,000	
456	21810230004	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2003	D16LOGISTI CS1	3.59	87		Giỏi	16	16	8,745,000	
457	21810230449	Trương Thị	Huyền	19/11/2003	D16LOGISTI CS3	3.53	88		Giỏi	16	16	8,745,000	
458	21810230505	Nguyễn Hồng	Nhung	08/05/2003	D16QLSX&T N	3.47	79		Khá	16	16	7,950,000	
459	21810220003	Nguyễn Thị	Thơm	17/04/2003	D16QLSX&T N	3.38	94		Giỏi	16	16	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
460	21810220463	Ngô Khánh	Linh	12/01/2003	D16QLSX&TN	3.22	93		Giỏi	16	16	8,745,000	
461	21810270044	Nguyễn Thị Hoài	Thu	22/06/2003	D16KTNL	3.5	95		Giỏi	16	16	8,745,000	
462	21810270043	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/03/2003	D16KTNL	3.38	90		Giỏi	16	16	8,745,000	
463	21810260033	Nguyễn Vũ Hải	Anh	13/08/2003	D16TTDIEN	3.56	87		Giỏi	16	16	8,745,000	
464	21810720270	Trần Thị Hải	Hồng	30/07/2003	D16QTDLKS	3.5	82		Giỏi	17	17	7,865,000	
465	21810720376	Trần Thị	Đào	28/08/2003	D16QTDLKS	3.24	82		Giỏi	17	17	7,865,000	
466	21810720306	Dương Thị Phương	Oanh	09/05/2003	D16QTDLKS	2.85	82		Khá	17	17	7,150,000	
467	21810710146	Dương Thị Hồng	An	29/12/2003	D16QTDN4	3.71	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
468	21810710163	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	27/03/2003	D16QTDN4	3.71	82		Giỏi	17	17	7,865,000	
469	21810710260	Lê Thị Thanh	Thảo	05/11/2003	D16QTDN4	3.62	86		Giỏi	17	17	7,865,000	
470	21810710207	Nguyễn Thị	Anh	14/11/2003	D16QTDN2	3.59	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
471	21810710140	Trần Thu	Phương	31/07/2003	D16QTDN4	3.59	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
472	21810710211	Ngô Thị Thảo	Vân	16/11/2003	D16QTDN2	3.47	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
473	21810710418	Đào Hồng	Phương	12/01/2003	D16QTDN2	3.47	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
474	21810710148	Phan Thị Phương	Thảo	29/09/2003	D16QTDN4	3.47	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
475	21810710277	Vũ Thị Hồng	Nhung	17/10/2003	D16QTDN4	3.47	86		Giỏi	17	17	7,865,000	
476	21810710034	Hà Thu	Trang	12/01/2003	D16QTDN1	3.41	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
477	21810710405	Nguyễn Thị	Trang	29/09/2003	D16QTDN3	3.41	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
478	21810710259	Trần Anh	Tuấn	11/08/2003	D16QTDN4	3.41	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
479	21810710169	Vũ Thị Thanh	Trang	10/05/2003	D16QTDN5	3.41	77		Khá	17	17	7,150,000	
480	21810710378	Chu Đan	Ngọc	08/09/2003	D16QTDN6	3.38	82		Giỏi	17	17	7,865,000	
481	21810710040	Trần Thảo	My	05/10/2003	D16QTDN1	3.35	93		Giỏi	17	17	7,865,000	
482	21810710088	Lê Phương	Thảo	16/03/2003	D16QTDN2	3.35	88		Giỏi	17	17	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
483	21810710311	Nguyễn Thị Bích	Thùy	25/09/2002	D16QTDN5	3.35	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
484	21810710389	Lương Thị Kim	Anh	27/12/2003	D16QTDN6	3.35	82		Giỏi	17	17	7,865,000	
485	21810710030	Dương Cương	Quyết	23/10/2003	D16QTDN1	3.32	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
486	21810710279	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/05/2003	D16QTDN5	3.32	86		Giỏi	17	17	7,865,000	
487	21810710264	Kiều Văn	Tuân	01/03/2003	D16QTDN4	3.26	77		Khá	17	17	7,150,000	
488	21810710252	Phạm Thùy	Trang	14/10/2003	D16QTDN4	3.26	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
489	21810710051	Đỗ Đức	Mạnh	30/09/2003	D16QTDN1	3.24	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
490	21810710098	Hoàng Thu	Thùy	15/11/2003	D16QTDN2	3.24	81		Giỏi	17	17	7,865,000	
491	21810710086	Nguyễn Hoàng	Việt	13/09/2003	D16QTDN2	3.21	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
492	21810710143	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/10/2003	D16QTDN4	3.18	89		Khá	17	17	7,150,000	
493	21810710410	Ma Quang	Tùng	06/05/2003	D16QTDN4	3.15	85		Khá	17	17	7,150,000	
494	21810710362	Hoàng Ngọc	Quốc	12/10/2003	D16QTDN6	3.09	82		Khá	17	17	7,150,000	
495	21810710203	Trần Thị Kim	Chi	24/12/2003	D16QTDN2	3.06	92		Khá	17	17	7,150,000	
496	21810710138	Tạ Anh	Duy	06/09/2003	D16QTDN4	3.06	82		Khá	17	17	7,150,000	
497	21810710262	Nguyễn Vũ Phương	Thùy	15/12/2003	D16QTDN4	3.06	82		Khá	17	17	7,150,000	
498	21810840091	Trần Mai	Linh	10/02/2003	D16NGANH ANG1	3.21	90		Giỏi	19	19	7,865,000	
499	21810840263	Nguyễn Quỳnh	Chi	24/06/2003	D16NGANH ANG2	3.18	81		Khá	19	19	7,150,000	
500	21810820176	Nguyễn Thị Trà	My	27/11/2003	D16NGANH ANG1	3.16	87		Khá	19	19	7,150,000	
501	21810840256	Lê Phương	Mai	20/04/2003	D16NGANH ANG2	3.08	88		Khá	19	19	7,150,000	
502	21810840229	Vũ Khắc	Huy	26/05/2003	D16NGANH ANG2	3.08	83		Khá	19	19	7,150,000	
503	21810840285	Nguyễn Thị Thu	Hằng	27/11/2003	D16NGANH ANG2	3.05	88		Khá	19	19	7,150,000	
504	21810820181	Mai Thị	Phương	04/12/2003	D16NGANH ANG1	3.03	81		Khá	19	19	7,150,000	
505	21810820266	Phạm Thị Thu	Huyền	12/12/2003	D16TC DN2	3.53	90		Giỏi	19	19	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
506	21810820255	Lỗ Thị Thuỳ	Dung	14/02/2003	D16TCDN2	3.47	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
507	21810820233	Nguyễn Hồng	Anh	09/05/2003	D16TCDN2	3.39	80		Giỏi	19	19	7,865,000	
508	21810820293	Nguyễn Thị	Lan	14/12/2003	D16TCDN1	3.37	80		Giỏi	19	19	7,865,000	
509	21810820332	Vũ Phương	Anh	27/08/2003	D16TCDN2	3.37	81		Giỏi	19	19	7,865,000	
510	21810820278	Đặng Thị Kim	Hoan	18/02/2003	D16TCDN2	3.37	80		Giỏi	19	19	7,865,000	
511	21810820301	Vương Diễm	Hương	29/11/2003	D16TCDN2	3.37	87		Giỏi	19	19	7,865,000	
512	21810820172	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/07/2003	D16TCDN1	3.34	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
513	21810820281	Lê Thị	Lành	17/06/2003	D16TCDN2	3.34	88		Giỏi	19	19	7,865,000	
514	21810820309	Nguyễn Hồng	Ngọc	07/12/2003	D16TCDN2	3.34	86		Giỏi	19	19	7,865,000	
515	21810820252	Lê An	Ngân	19/09/2003	D16TCDN2	3.32	96		Giỏi	19	19	7,865,000	
516	21810860452	Thái An	Sang	05/09/2003	D16KDTMTT ₁	3.53	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
517	21810860388	Hoàng Quốc	Việt	30/11/2003	D16KDTMTT ₂	3.53	87		Giỏi	17	17	7,865,000	
518	21810860436	Lương Mạnh	Tú	27/10/2003	D16KDTMTT ₂	3.47	79		Khá	17	17	7,150,000	
519	21810860392	Nguyễn Thị Trang	Loan	09/08/2003	D16KDTMTT ₂	3.44	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
520	21810860449	Nguyễn Minh	Huy	23/12/2003	D16KDTMTT ₂	3.41	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
521	21810860429	Nguyễn Trung	Nghĩa	05/12/2003	D16KDTMTT ₂	3.41	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
522	21810860408	Dương Khánh	Linh	30/04/2003	D16KDTMTT ₂	3.26	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
523	21810860426	Nguyễn Thị	Hương	02/09/2003	D16KDTMTT ₂	3.24	92		Giỏi	17	17	7,865,000	
524	21810860448	Phan Thị Tuyết	Nga	16/12/2002	D16KDTMTT ₁	3.15	85		Khá	17	17	7,150,000	
525	21810860366	Trần Thị Thanh	Thảo	14/09/2003	D16KDTMTT ₁	3.12	93		Khá	17	17	7,150,000	
526	21810860442	Trần Thu	Ngân	23/07/2003	D16KDTMTT ₂	3.12	87		Khá	17	17	7,150,000	